TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/DS-PT
Ngày 18-5-2018
V/v tranh chấp nợ hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân Hương
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũng và ông Trần Văn Cảnh
- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Kim Thu - Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 14/2018/TLPT-DS ngày 12 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp về nợ hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 29/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1963
Địa chỉ: 187, đường HV, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1972.
Địa chỉ: 74, đường N, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn là bà Nguyễn Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn là bà Bùi Thị H trình bày: Vào năm 2012 bà với bà Nguyễn Thị S và nhiều người khác có chơi hụi với nhau. Trong dây hụi gồm 16 người, do bà Nguyễn Thị S làm chủ hụi, trung bình mỗi tháng mỗi người chơi đóng 20.000.000 đồng, tùy theo người hốt nhiều hay ít mà có sự đóng tiền khác nhau. Mỗi tháng bà S có trách nhiệm đi thu tiền hụi của từng người rồi giao tiền cho người hốt trúng hụi. Trong quá trình giao dịch hụi, mỗi tháng bà đều đóng đầy đủ tiền hụi cho bà S, khi kết thúc dây hụi thì bà là người cuối cùng còn lại nên

được lĩnh tiền hụi trút ống. Ngày 08/11/2013 là ngày trút ống cuối cùng, bà S có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 300.000.000đ, sau đó hai bên thoả thuận cấn trừ qua dây hụi khác mà bà phải có nghĩa vụ nộp là 40.000.000đ nên còn lại 260.000.000đ. Khi đó bà biết bà Phạm Thị T ở Tổ dân phố 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai có nợ bà S một số tiền nên bà có đề nghị cấn trừ qua cho bà T, tuy nhiên bà T không chấp nhận nên việc cấn trừ không thực hiện được. Bà đi đòi bà S nhiều lần được 7.000.000đ, số tiền còn lại là 253.000.000đ, bà có viết số nợ rồi yêu cầu bà S có viết và ký vào giấy nợ tiền hụi số tiền 253.000.000đ. Sau đó bà S trả được hai lần 4.000.000đ (một lần 1.000.000đ, một lần 3.000.000đ) rồi không trả nữa, bà đi đòi nhiều lần nhưng bà S hứa khi nào bán nhà được thì bà S sẽ trả cho bà. Tuy nhiên khi bà S bán nhà xong thì không chịu trả cho bà, nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà S phải có nghĩa vụ trả số tiền còn lại cho bà là 249.000.000đ .

Chứng cứ bà Bùi Thị H cung cấp là tờ giấy vở học sinh có ghi tiêu đề "Tiền hụi S", ghi bằng mực màu xanh và màu đen, có chữ ký và chữ viết của bà Nguyễn Thị S. Ngoài ra tại phiên toà bà còn cung cấp đoạn âm thanh do bà và con trai Nguyễn Tiến Đ ghi lại ngày 20/5/2017, trong đó thể hiện cuộc nói chuyện giữa bà với bà S xoay quanh việc bà S có nợ bà tiền hụi của bà.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị S trình bày: Năm 2012 bà và bà H có chơi hụi với nhau cùng với nhiều người khác do bà làm chủ hụi là đúng sự thật, việc chơi hụi này các bên chỉ thoả thuận miệng với nhau chứ không có giấy tờ gì. Đến khi bà H là người cuối cùng được lĩnh hụi bà chưa có tiền để giao cho bà H là vì do những người khác chưa nộp đủ tiền cho bà. Bà công nhận trước đây có nợ tiền hụi của bà H, tuy nhiên do bà Phạm Thị T có nợ tiền của bà một khoản tiền nên bà H đã đề nghị bà cấn trừ nợ qua bà Phạm Thị T. Đối với chữ viết "S nợ cô H" tại tờ giấy vở học sinh mà bà H cung cấp đúng là chữ viết và chữ ký của bà, bà không nhớ bà viết và ký vào lúc nào và ở đâu, còn các số tiền là do bà H tự ghi chứ bà không ghi. Khoảng tháng 5/2017 bà H cùng con đến nhà bà nói chuyện nợ nần và có ghi âm lại, nội dung xoay quanh việc bà có nợ tiền bà H là đúng. Nay số tiền nợ hụi giữa bà với bà H bà đã cấn trừ qua bà T, việc bà H không lấy được tiền của bà T là do tự bà H nói cấn trừ nên bà H phải chịu. Do vậy bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 29/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai đã xử:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các điều 143, 144, 147 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 274, 275, 276, 280 và Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị S phải trả cho bà Bùi Thị H số tiền nợ hụi còn lại là 249.000.000 đồng *(hai trăm bốn mươi chín triệu đồng).*

Bà Bùi Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Bùi Thị H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.625.000 đồng *(sáu triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0000739 ngày 22/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai.

Bà Nguyễn Thị S phải chịu 12.450.000 đồng *(mười hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc cưỡng chế thi hành án và thời hiệu thi hành án, tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, bị đơn là bà Nguyễn Thị S có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Tổng số tiền nợ mà bà Nguyễn Thị S phải trả cho bà Bùi Thị H là 249.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị S trả 249.000.000 đồng nêu trên cho bà Bùi Thị H theo các thời hạn sau đây:

- Từ ngày 18-5-2018 đến ngày 31-12-2018 bà Nguyễn Thị S trả cho bà Bùi Thị H 30.000.000 đồng.
- Từ ngày 01-01-2019 đến ngày 31-12-2019 bà Nguyễn Thị S trả cho bà Bùi Thị H 50.000.000 đồng.
- Từ ngày 01-01-2020 đến ngày 31-12-2020 bà Nguyễn Thị S trả cho bà Bùi Thị H 50.000.000 đồng.
- Từ ngày 01-01-2021 đến ngày 31-12-2021 bà Nguyễn Thị S trả cho bà Bùi Thị H 50.000.000 đồng
- Từ ngày 01-01-2022 đến ngày 31-12-2022 bà Nguyễn Thị S trả cho bà Bùi Thị H 50.000.000 đồng.
- Từ ngày 01-01-2023 đến ngày 31-12-2023 bà Nguyễn Thị S trả cho bà Bùi Thị H 19.000.000 đồng.

Trường hợp bà Nguyễn Thị S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ thời kỳ nào đã thỏa thuận trên đây thì ngay sau đó, bà Bùi Thị H có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thi hành án đối với toàn bộ số nợ mà bà Nguyễn Thị S còn phải trả.

Bà Nguyễn Thị S chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.450.000 đồng.

Bà Bùi Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Do tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử phúc

thẩm ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị S phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 29/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Tổng số tiền nợ mà bà Nguyễn Thị S phải trả cho bà Bùi Thị H là 249.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị S trả 249.000.000 đồng nêu trên cho bà Bùi Thị H theo các thời hạn sau đây:

- Từ ngày 18-5-2018 đến ngày 31-12-2018 bà Nguyễn Thị S trả cho bà Bùi Thị H 30.000.000 đồng.
- Từ ngày 01-01-2019 đến ngày 31-12-2019 bà Nguyễn Thị S trả cho bà Bùi Thị H 50.000.000 đồng.
- Từ ngày 01-01-2020 đến ngày 31-12-2020 bà Nguyễn Thị S trả cho bà Bùi Thị H 50.000.000 đồng.
- Từ ngày 01-01-2021 đến ngày 31-12-2021 bà Nguyễn Thị S trả cho bà Bùi Thị H 50.000.000 đồng
- Từ ngày 01-01-2022 đến ngày 31-12-2022 bà Nguyễn Thị S trả cho bà Bùi Thị H 50.000.000 đồng.
- Từ ngày 01-01-2023 đến ngày 31-12-2023 bà Nguyễn Thị S trả cho bà Bùi Thị H 19.000.000 đồng.

Trường hợp bà Nguyễn Thị S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ thời kỳ nào đã thỏa thuận trên đây thì ngay sau đó, bà Bùi Thị H có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thi hành án đối với toàn bộ số nợ mà bà Nguyễn Thị S còn phải trả.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu các bên không thỏa thuận thì mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Bà Nguyễn Thị S chịu 12.450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Bùi Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Bùi Thị H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.625.000 đồng theo biên lai thu số 0000739 ngày 22/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002030 ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai. Bà Nguyễn Thị S đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, TDS, VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Hương